

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS- ST

Ngày: 26-9-2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Biên, ông Lê Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Hoài- Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên tòa:** Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Mạc Thị T, sinh năm 1970 và ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1967. Điều trú tại: Khu dân cư L, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Ông V ủy quyền cho bà T tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2021). Ông V vắng mặt, bà T có mặt tại phiên tòa.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Xương K; sinh năm 1985; địa chỉ: Khu dân cư T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Phồn M, sinh năm 1987; địa chỉ: KDC T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 155 Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh - Vắng mặt.

3. Chị Trần Thị Lệ T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 37 đường T, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Mạc Thị T và ông Nguyễn Văn V trình bày như sau:

Vợ chồng ông bà có quan hệ quen biết với anh Nguyễn Xương K. Vào ngày 10/02/2016, ông bà có cho anh Nguyễn Xương K vay số tiền là 100.000.000 đồng và 03 cây vàng loại 9999 (vàng miếng loại SJC, mỗi miếng 1 cây). Hai bên không thỏa thuận lãi suất. Ông V là người viết giấy vay tiền, anh K đã ký tên vào giấy. Anh K hẹn vay trong thời hạn 01 năm nhưng không ghi vào giấy tờ mà chỉ nói miệng. Sau 01 năm, anh K không trả tiền và vàng nên ông bà đã nhiều lần yêu cầu anh K trả nhưng anh K vẫn không trả. Nay ông bà khởi kiện yêu cầu anh K phải trả số tiền 100.000.000 đồng và 03 cây vàng loại 9999 (vàng miếng loại SJC). Nếu trường hợp anh K không đồng ý trả ông bà bằng vàng thì ông bà yêu cầu quy ra tiền để trả theo giá vàng hiện tại. Ông bà tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất.

Anh K trình bày với Tòa án là bà T nhờ anh K đi tìm mộ và anh K đã trả tiền chi phí chuyến đi là không đúng. Đúng là có việc bà T đi tìm kiếm mộ của người thân nhưng toàn bộ chi phí khoảng 10.000.000 đồng vợ chồng ông bà tự chi trả. Hoàn toàn không có việc anh M, anh K, anh H mang tiền đến trả cho ông bà. Anh K trình bày đã trả tiền cho ông bà là không đúng. Vào khoảng năm 2017, anh K có vay của vợ chồng ông bà 07 chỉ vàng 9999 và vay của anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu dân cư L, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương (là con trai của ông bà) số tiền là 30.000.000 đồng. Đến đầu năm 2021 anh M là em trai anh K đã trả ông bà và anh L số nợ trên, không liên quan đến khoản nợ hiện nay ông bà đang khởi kiện.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự và trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Xương K trình bày:

+ *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2022, anh K trình bày:* Anh có quan hệ quen biết với vợ chồng ông V, bà T. Anh không nhớ vào thời gian nào cụ thể, anh có vay tiền của vợ chồng ông V. Số tiền vay anh không nhớ nhưng anh đã trả xong. Nay anh cũng không còn tài liệu nào để cung cấp cho Tòa án vì đã xong nên anh không giữ lại. Khi trả tiền anh không lập văn bản. Bà T, ông V khai vào ngày 10/02/2016 anh có vay của ông bà 100.000.000 đồng và 3 cây vàng 9999, loại SJC là không đúng. Anh xác định chữ viết và chữ ký trong Giấy vay tiền đề ngày 10-02-2016 không phải là chữ viết và chữ ký của anh. Tuy nhiên anh không yêu cầu giám định. Nếu ông V, bà T yêu cầu giám định mà kết quả đúng là chữ ký và chữ viết của anh thì anh đồng ý trả toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng và 03 cây vàng 9999 (vàng loại SJC).

+ *Tại Biên bản đối chất ngày 13.1.2022, sau khi đối chất với bà T, anh K trình bày:* Anh xác định có vay tiền của con trai bà T. Anh không nhớ vay bao nhiêu tiền nhưng anh đã trả xong. Anh M là người trả tiền hộ anh. Anh không vay vàng của bà T, ông V, mà chỉ vay tiền. Số tiền vay là bao nhiêu anh không nhớ. Có lần anh gửi anh C ở L, K (anh không biết họ tên đầy đủ) đến trả tiền

hộ anh nhưng anh không nhớ gửi bao nhiêu tiền. Anh không vay 100.000.000 đồng và 3 cây vàng. Anh đồng ý để Tòa án giám định chữ ký tại giấy vay tiền ngày 10-02-2016. Nếu kết quả giám định đúng là chữ ký của anh thì anh đồng ý trả nợ cho ông V, bà T số tiền là 100.000.000 đồng và 3 cây vàng 9999 (loại vàng miếng SJC). Chi phí giám định anh sẽ trả. Nếu trường hợp không đúng chữ ký của anh thì toàn bộ chi phí giám định bà T, ông V sẽ phải chịu.

+ *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2022, anh K trình bày:* Sau khi Tòa án thông báo kết luận giám định số 04 ngày 25/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương, anh đồng ý với kết quả giám định. Nay anh xác định, ngày 10-02-2016 anh có vay của vợ chồng ông V, bà T số tiền 100.000.000 đồng và 3 cây vàng 9999 loại vàng miếng SJC, mỗi miếng 1 cây, mục đích để làm ăn. Hai bên có làm giấy viết tay, ai là người viết giấy thì anh không nhớ. Hai bên không thỏa thuận về lãi suất và thời gian trả tiền, vàng. Anh và bà T có thỏa thuận khi nào bà T đi tìm mộ bố mẹ đẻ của bà T ở Cao Bằng thì anh phải có trách nhiệm trả số tiền trên. Khoảng 03 tháng sau, anh có đi cùng bà T và 02 cô đồng là chị Trần Thị T, sinh năm 1985, địa chỉ: A, K, Hải Dương và chị T1 ở L, K, Hải Dương. Khi đi tìm mộ bố mẹ đẻ của bà T, toàn bộ chi phí đi lại, sinh hoạt và tìm kiếm mộ là 190.000.000 đồng, anh là người trực tiếp thanh toán nhưng chỉ trả tay không làm giấy tờ hay có hóa đơn gì. Tuy nhiên chị T và chị T1 đã chứng kiến toàn bộ sự việc. Ngoài ra, khoảng năm 2020 anh còn nhờ em anh là Nguyễn Phồn M, sinh năm 1987 (địa chỉ: T, T, K, Hải Dương) và Trần Đình H, sinh năm 1993 (địa chỉ: T, T, K, Hải Dương) mang tiền đến trả cho bà T. Anh M trực tiếp mang tiền đến cho bà T 02 lần, mỗi lần 20.000.000 đồng. Khi đưa tiền cho bà T, anh M cũng không làm giấy tờ gì và không có ai chứng kiến. Còn anh H mang 20.000.000 đồng trực tiếp đến trả cho bà T. Hai bên cũng không làm giấy tờ gì và không có ai chứng kiến. Anh còn trực tiếp 02 lần trả tiền cho bà T vào năm 2019, một lần trả 15.000.000 đồng và một lần trả 17.000.000 đồng. Anh chỉ đưa tay, không làm giấy tờ. Tính đến nay anh đã trả tổng số tiền là 282.000.000 đồng. Nếu tính theo giá vàng thời điểm đó thì anh còn trả thừa cho bà T.

+ *Tại Đơn đề nghị đề ngày 24/9/2022, anh K trình bày:* Khoảng tháng 02/2016 anh có vay của ông V, bà T 100.000.000 đồng và 03 cây vàng (trị giá 100.000.000 đồng), tổng là 200.000.000 đồng. Một thời gian sau bà T có nhờ anh tìm người để giúp bà tìm mộ bố chồng bà T tại Cao Bằng. Hai bên thỏa thuận anh sẽ ứng tiền để thuê xe, chi trả ăn uống, thuê nhà nghỉ và các chi phí phát sinh khác. Chị Trần Thị Lệ T là người chứng kiến sự việc. Quá trình đi tìm mộ có anh, bà T cùng chị T và chị Đỗ Thị D cùng đi. Anh đã thuê xe đi lại trong thời gian 45 ngày hết 37.000.000 đồng; chi ăn uống, thuê nhà nghỉ, bồi thường, hỗ trợ người dân đào bới ruộng đất tìm mộ hết khoảng 55.000.000 đồng. Anh và các em, bạn của anh gồm anh M, anh H đã 04 lần tiền cho bà T với tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Trong đó, anh M trả 02 lần, anh H trả 01 lần và anh trả 01 lần. Số tiền anh M và anh H đưa cho bà T là do anh đưa tiền nhờ để trả nợ cho bà T. Tổng số tiền chi phí cho việc tìm mộ là 172.000.000 đồng. Anh đã thông báo cho bà T biết và

bà T nói cứ trừ vào tiền anh nợ bà T, còn bao nhiêu hai bên sẽ tính toán. Do chỗ quen biết nên anh hoàn toàn tin tưởng và không viết giấy tờ gì.

Do vậy nay anh xác định toàn bộ số tiền anh vay của vợ chồng bà T anh đã trả xong. Tuy nhiên giấy vay tiền bà T vẫn giữ, do sơ suất nên anh không lấy lại. Quan điểm của anh là không nhất trí trả số tiền vay là 100.000.000 đồng và 3 cây vàng 9999 loại vàng miếng SJC vì anh đã trả xong toàn bộ số tiền trên.

Lời khai người làm chứng:

- *Anh Nguyễn Phồn M trình bày:* Anh là em trai của anh Nguyễn Xương K. Anh không biết việc giữa bà T, ông V và anh K vay tiền như thế nào. Khoảng năm 2021, anh có đến trả tiền cho bà T hai lần, mỗi lần là 20.000.000 đồng. Số tiền này là do anh K nhờ anh đi trả hộ cho bà T. Khi anh trả tiền, anh đưa trực tiếp cho bà T, không làm giấy tờ gì và cũng không ai chứng kiến. Anh không biết số tiền trả hộ này cho anh K là trả cho khoản vay nào và vay từ bao giờ.

- *Chị Trần Thị Lệ T trình bày:* Chị là bạn của anh K. Chị không biết việc giữa bà T, ông V và anh K vay tiền như thế nào. Chị không chứng kiến gì về việc anh K trả tiền cho bà T. Cách đây khoảng vài năm chị có tham gia đi tìm kiếm mộ người thân của gia đình bà T ở Cao Bằng lần thứ nhất. Chị có chứng kiến anh K trực tiếp trả tiền thuê xe cho việc đi tìm kiếm mộ, chị không nhớ cụ thể bao nhiêu tiền. Chị không nhớ anh K đã trả những chi phí gì khác, số tiền là bao nhiêu. Chị không nhớ bà Trọng có chi trả chi phí không hay chỉ anh K là người trả tiền vì sự việc xảy ra đã lâu.

- *Chị Đỗ Thị D trình bày:* Chị và anh K quen biết nhau qua quan hệ xã hội. Chị có đi cùng anh K tham gia tìm mộ người thân của gia đình bà T. Chị thấy anh K là người trả tiền xe, ăn uống, ngủ nghỉ. Số tiền là bao nhiêu chị không biết rõ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm như đã khởi kiện và trình bày trước đây với Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 161, Điều 162, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí, chi phí tố tụng của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Xương K nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Anh Nguyễn Phồn M (là em trai anh K) cung cấp cho Tòa án 01 Đơn đề nghị hoãn phiên tòa của anh K. Nội dung anh K trình bày anh bị sốt đang phải truyền nước tại nhà. Anh M cũng trình bày anh K đang phải truyền nước tại nhà. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa và tiến hành xác minh về lời trình bày của anh K và anh M, xác định không có việc anh K đang truyền nước tại nhà. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

Trong quá trình tố tụng thời gian đầu anh Nguyễn Xương K trình bày, anh không vay 100.000.000 đồng và 3 cây vàng 9999 loại vàng miếng SJC của bà T và ông V. Anh xác định chữ ký trong giấy vay tiền đề ngày 10/02/2016 không phải chữ ký của anh. Anh đồng ý đề Tòa án trưng cầu giám định. Nếu kết quả giám định xác định đúng chữ ký của anh thì anh nhất trí trả tiền vay và trả chi phí giám định.

[3] Sau khi có kết quả giám định thì anh Khiêm thừa nhận có vay của ông V và bà T 100.000.000 đồng và 3 cây vàng 9999 loại vàng miếng SJC vào ngày 10/02/2016. Việc anh K thừa nhận có vay tiền ông V và bà T phù hợp với Giấy vay tiền ngày 10/02/2016 với nội dung: Anh Nguyễn Xương K, trú tại: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương có vay của vợ chồng bà Mạc Thị T, trú tại: Thôn L, thị trấn K, tỉnh Hải Dương số tiền là 100.000.000 đồng và 03 cây vàng, thời gian vay từ ngày 10/02/2016. Mặt khác, tại Kết luận giám định số 04/KL - KTHS ngày 25 tháng 4 năm 2022, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ ký đứng tên Nguyễn Xương K trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký của Nguyễn Xương K trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 → M13) là do cùng một người ký ra.

[4] Như vậy có cơ sở xác định, ông Nguyễn Văn V, bà Mạc Thị T và anh Nguyễn Xương K có thoả thuận về việc anh K vay của ông V, bà T 100.000.000 đồng và 03 cây vàng SJC 9999. Hai bên có lập văn bản và anh K đã ký tên xác nhận. Như vậy, đây là hợp đồng vay tài sản, đối tượng là tiền và vàng. Trong hợp đồng nêu trên, hai bên xác lập không có thỏa thuận về lãi và thời hạn trả. Nhưng theo bà T trình bày, anh K có nói miệng hẹn vay trong thời hạn 01 năm. Sau 01 năm anh K không trả tiền và vàng nên ông V, bà T đã nhiều lần yêu cầu anh K trả nhưng anh K vẫn không trả. Anh K xác định hai bên không thỏa thuận thời hạn trả tiền. Do vậy xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông V, bà T và anh K là hợp đồng không xác định thời hạn và không có lãi. Tuy nhiên bà T, ông V đã đòi tiền anh K nhiều lần nhưng anh K không trả tiền.

[5] Anh K thừa nhận có vay tiền và vàng của ông V, bà T nhưng xác định đã trả xong. Cụ thể, anh và bà T có thỏa thuận bà T đi tìm mộ người thân của bà T ở Cao Bằng, anh có trách nhiệm trả chi phí chuyến đi vào tiền nợ. Khoảng 03 tháng sau, anh có đi cùng bà T và 02 người là chị Trần Thị T, sinh năm 1985, địa chỉ: A, K, Hải Dương và chị T1 ở L, K, Hải Dương. Khi đi tìm mộ người thân của bà T, toàn bộ chi phí đi lại, sinh hoạt và tìm kiếm mộ, anh là người trực tiếp thanh toán. Ngoài ra anh còn trực tiếp và nhờ em trai và bạn bè trả tiền cho bà T. Đến nay toàn bộ số nợ ông V và bà T anh đã trả xong. Tuy nhiên, anh K khai không thống nhất về tổng chi phí cho việc đi tìm kiếm mộ người thân của bà T và số tiền mặt trả nợ trực tiếp cho bà T.

[6] Tại lời khai ngày 10/5/2022, anh K khai tổng chi phí cho việc đi tìm mộ hết khoảng 190.000.000 đồng. Toàn bộ việc chi phí anh chỉ trả tay không làm giấy tờ hay có hóa đơn gì. Ngoài ra, vào khoảng năm 2020 anh còn nhờ em anh là Nguyễn Phồn M, sinh năm 1987; địa chỉ: T, T, K, Hải Dương và Trần Đình H, sinh năm 1993; địa chỉ: T, T, K, Hải Dương mang tiền đến trả cho bà T. Anh M trực tiếp mang tiền đến trả cho bà T 02 lần, mỗi lần 20.000.000 đồng. Còn anh H mang tiền đến trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng. Việc anh M và anh H đưa tiền cho bà T đều không làm giấy tờ gì và không có ai chứng kiến. Bên cạnh đó, anh còn trực tiếp 02 lần trả tiền cho bà T vào năm 2019, một lần 15.000.000 đồng và một lần 17.000.000 đồng. Anh chỉ đưa tay, không làm giấy tờ. Tính đến nay anh đã trả tổng số tiền là 282.000.000 đồng. Nếu tính theo giá vàng thời điểm đó thì anh còn trả thừa cho bà T.

[7] Tại Đơn đề nghị ngày 24/9/2022, anh K khai chi phí cho việc tìm mộ gồm thuê xe đi lại hết 37.000.000 đồng và chi ăn uống, thuê nhà nghỉ, bồi thường, hỗ trợ người dân đào bới ruộng đất tìm mộ hết khoảng 55.000.000 đồng. Ngoài ra, anh và các em, bạn của anh gồm anh M, anh H đã 04 lần tiền cho bà T với tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Tổng số tiền chi phí cho việc tìm mộ là 172.000.000 đồng.

[8] Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng, anh Nguyễn Phồn M, chị Trần Thị Lệ T và chị Đỗ Thị D là những người theo anh K là người làm chứng. Tuy nhiên lời khai của anh M, chị T, chị D cũng chỉ xác nhận một số nội dung không thể hiện việc anh K trả bao nhiêu tiền về chi phí đi tìm mộ, trả tiền vì lý do gì. Anh K, anh M trình bày trả tiền cho bà T nhưng không lập văn bản. Các lời khai của anh K trong quá trình tố tụng có sự mâu thuẫn, phủ nhận lẫn nhau. Ngoài lời khai, anh K không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Trong khi bà T trình bày bà có đi tìm kiếm mộ của người thân nhưng toàn bộ chi phí vợ chồng bà tự chi trả. Số tiền chi phí đi tìm mộ chỉ là 10.000.000 đồng. Ngoài ra bà T xác định hoàn toàn không có việc anh M, anh K, anh H mang tiền đến trả cho ông bà. Vào khoảng năm 2017, anh K có vay 07 chỉ vàng 9999 của ông bà và vay con trai bà là anh Nguyễn Hữu L số tiền là 30.000.000 đồng. Đến đầu năm 2021 anh M là em trai anh K đã trả cho bà và anh L số vàng, tiền trên.

[9] Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, có đủ cơ sở xác định anh Nguyễn Xương K có vay của ông V và bà T số tiền 100.000.000 đồng và 03 cây vàng miếng SJC đến nay chưa trả. Do vậy anh K phải trả cho ông V và bà T số nợ trên. Tuy nhiên đối với vàng miếng SJC cần quy đổi ra giá vàng tại thời điểm xét xử để buộc anh K phải trả bằng tiền Việt Nam đồng.

[10] Căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án với Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại V; địa chỉ số 40 T, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương cung cấp giá vàng miếng SJC 9999 ngày 26/9/2022 là 66.600.000 đồng/lượng (10 chỉ). Giá vàng này phù hợp với giá vàng trên thị trường của các cơ sở kinh doanh khác. Do vậy có cơ sở xác định 03 lượng (cây) vàng SJC 9999 có giá là: 199.800.000 đồng. Tổng số tiền anh K phải trả cho ông V, bà T là 299.800.000 đồng.

[11] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Về chi phí giám định: Bà T yêu cầu giám định chữ ký của anh K. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà T là có căn cứ. Bà T đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng và chi xong. Do vậy cần buộc anh K phải trả bà T số tiền này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 161, Điều 162, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V và bà Mạc Thị T.

Buộc anh Nguyễn Xương K phải trả cho ông Nguyễn Văn V và bà Mạc Thị T số tiền là 299.800.000 đồng.

Về án phí: Anh Nguyễn Xương K phải chịu 14.990.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Nguyễn Văn V và bà Mạc Thị T 7.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0001064 ngày 03/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn.

Anh Nguyễn Xương K phải trả bà Mạc Thị T số tiền 5.000.000 đồng chi phí giám định.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về quyền kháng cáo: Báo Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Quyết